

CẤU TRÚC ĐỀ LÝ 10

ĐỀ THI HỌC KỲ I – MÔN VẬT LÝ KHỐI 10 - Thời gian : 45 phút

Đề gồm 16 câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (4 điểm) + 2 câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm)
+ 3 câu tự luận (4 điểm)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án. (16 câu - 4 điểm)

A. MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT: (4,0 ĐIỂM – 12 CÂU)

1/ Chuyển động thẳng biến đổi đều

Câu 1: LT

Câu 2: BT

2/ Rơi tự do

Câu 3: LT

3/ Ném ngang

Câu 4: BT

4/ Tổng hợp – phân tích lực

Câu 5: LT

Câu 6: LT

Câu 7: BT

5/ Ba định luật Newton

Câu 8: LT – ĐL 1 – 2

Câu 9: LT – ĐL 3

Câu 10: BT

6/ Lực ma sát

Câu 11: LT

Câu 12: LT

B. MỨC ĐỘ HIỂU: (1ĐIỂM – 4 CÂU)

2/ Rơi tự do

Câu 13: BT

4/ Tổng hợp – phân tích lực

Câu 14: BT

5/ Ba định luật Newton

Câu 15: BT

6/ Lực ma sát

Câu 16: BT

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (2,0 Điểm)

Câu 1: LT Ba định luật Newton

Câu 2: BT ném ngang

III. Phần tư luận (4đ)

Bài 1 (1đ) Tổng hợp lực (tối đa 3 lực; 4 lực vuông góc , không cho hình bình hành)

Bài 2 (1đ) Rơi tự do. (1 vật) (BT thuận). Cho câu a,b

- Tìm g, v, s, t .
- Quãng đường đi được trong giây thứ mấy
- Thời gian chuyển động trong bao nhiêu mét cuối

Bài 3 (2đ) Phương pháp động lực học (lực ma sát) . Cho câu a,b

- MP ngang ; lực kéo ngang cùng chiều CĐ. Không cho Fhp
- câu b (vận dụng cao) có thể cho: thay đổi hệ số ma sát, thay đổi áp lực, CĐTĐ,... tính ngắn gọn.

HS ghi thiếu hoặc sai đơn vị trừ tối đa 0,25 mỗi bài tập. Tối đa trừ 0,5đ cả bài.

NHÓM TRƯỞNG